TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2026/QĐST-HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 09 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 99/2026/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2026 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2000;

Địa chỉ: thôn P, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1992;

Địa chỉ: thôn P, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Phương Nh, sinh ngày 01/3/2023;

Địa chỉ: thôn P, xã Q, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện hợp pháp của cháu Nh: Anh Nguyễn Hữu Tr và chị Nguyễn Thị H là bố mẹ đẻ của cháu Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Hữu Tr và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại

UBND xã Tnay là UBND xã Q vào ngày 05/6/2019 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh Tr và chị H là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh chị bình thường, đến năm 2022 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, sống với nhau không hoà hợp, không có hạnh phúc. Hai anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không chung sống cùng nhau, không ai còn quan tâm và không có trách Nhệm với nhau nữa. Đến nay, anh chị đều xác định, không còn tình cảm vợ chồng với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn, yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị theo quy định của pháp luật.

[2] *Về con chung:* Anh Nguyễn Hữu Tr và chị Nguyễn Thị H xác nhận, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương Nh, sinh ngày 01/3/2023. Ly hôn, anh Tr và chị H thoả thuận thống nhất, giao cháu Nh cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 02/2026 cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi. Anh Tr và chị H tự nguyện thoả thuận, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Hữu Tr được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác*: Anh Tr và chị H đều xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án:* Anh Tr và chị H thỏa thuận, chị H tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thỏa thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 27/02/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Hữu Tr và chị Nguyễn Thị H thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Anh Nguyễn Hữu Tr và chị Nguyễn Thị H xác nhận, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương Nh, sinh ngày 01/3/2023. Ly hôn, anh Tr và chị H thoả thuận thống nhất, giao cháu Nh cho chị H trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 02/2026 cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi. Anh Tr và chị H tự nguyện thoả thuận, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Hữu Tr được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, anh Tr, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh Nguyễn Hữu Tr và chị Nguyễn Thị H xác định, vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Anh Nguyễn Hữu Tr và chị Nguyễn Thị H thỏa thuận, chị H tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/26E/0000848 ngày 24/02/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Hưng Yên. Chị H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Q, GCNKH số 22/2019;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền